

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày : 09-4-2021

V/V “Ly hôn giữa ông H, bà T,
nuôi con chung”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé.

Bà Huỳnh Thị Kim Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 03/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HN ngày 26 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thành H. Địa chỉ: ấp K, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị T. Địa chỉ: ấp, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23-12-2020 và trong quá trình xét xử ông Nguyễn Thành H là nguyên đơn trình bày: Ông và bà Trần Thị T chung sống với nhau từ năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm. Ông và bà T không sống chung từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu Q, sinh ngày 02/12/2011 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 16/3/2015. Hiện 02 con chung đang sống với bà T, khi ly hôn ông đồng ý giao 02 con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông đồng ý cấp dưỡng mỗi con chung một tháng là 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trần Thị T là bị đơn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông H yêu cầu ly hôn với bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy được quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Bà T vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa ông H và bà T có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà T. Xét thấy tình nghĩa vợ chồng giữa ông H và bà T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông H yêu cầu ly hôn với bà T, bà T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng (vắng mặt không có lý do) điều đó chứng tỏ bà T cũng không còn quan tâm gì đối với cuộc sống hôn nhân của chính mình theo quy định tại các điều 19, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà T.

[3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu Q, sinh ngày 02/12/2011 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 16/3/2015.

Xét thấy cháu Q hiện đang sống cùng với bà T từ trước cho đến nay, khi ly hôn ông H cũng đồng ý để bà T tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và ông H đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Q nên cần ghi nhận theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 09, 19, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Thành H ly hôn với bà Trần Thị T.
2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu Q, sinh ngày 02/12/2011 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 16/3/2015 (hiện do bà T nuôi dưỡng) cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Không ai được lợi dụng việc thăm nom con hoặc việc trực tiếp nuôi con để cản trở việc nuôi con hoặc việc thăm nom con, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bên còn lại. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000815 ngày 05 tháng 01 năm 2021 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Ông H phải nộp thêm số tiền là 300.000 đồng.

4. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự;
- UBND xã Thuận Mỹ;
- Lưu (hồ sơ, án văn);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA